

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 30-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 4**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Hồ Nguyễn Quân;

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Dương Văn Vinh;

4/ Chế Đình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Nguyễn Minh Cương - Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4;

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 tham gia phiên tòa: 4/ Lê Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị H, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 21 tháng 6 năm 1976 tại thị trấn BS, huyện NT, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn PM, xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị X; có chồng là Khang Văn H (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. Trần Quang C, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10 tháng 01 năm 1986 tại xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiều khu ĐH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L và bà Phạm Thị K; có vợ là Lương Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/9/2003 bị Công an huyện NC tỉnh Thanh Hóa phạt cảnh cáo về hành vi "Cưỡng đoạt tài sản", ngày 14/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện NC tỉnh Thanh Hóa xử phạt 7.500.000 đồng về tội "Đánh bạc". Các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm; bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

3. Nguyễn Thị Kim D, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 17 tháng 02 năm 1984 tại xã TL, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiều khu ĐH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có chồng là Lê Văn N và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. Trần Thị H, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 18 tháng 5 năm 1992 tại xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu ĐH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Trần Quốc V và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

5. Trần Thị G, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 12 tháng 7 năm 1967 tại xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tiểu khu ĐH, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức K (đã chết) và bà Trần Thị S; có chồng là Đỗ Đức B và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

6. Phùng Hoài P, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 10 tháng 02 năm 1978 tại xã XH, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Kho K1, Cục KT, QK4; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 3/ QNCN, NVTT, Kho K1, Cục KT, QK4; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Hoài N và bà Võ Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T và 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/7/2020, Hoàng Thị H trú tại xã VT huyện NC tỉnh Thanh Hóa, Trần Quang C và Trần Thị H đều trú tại thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa đến nhà Trần Thị G ở số nhà 20 tiểu khu ĐH thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa chơi và ăn cơm trưa tại đây. Sau khi ăn cơm xong, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Thị Kim D trú tại thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa cũng tới nhà Trần Thị G chơi và cùng uống nước nói chuyện.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút, Hoàng Thị H rủ mọi người đánh bài ăn tiền và được mọi người đồng ý. Lúc đó, G cũng ngồi ở đây và đồng ý cho các đối tượng sử dụng nhà của mình để đánh bạc. Bốn người thống nhất đánh bài bằng hình thức “phỏm” được thua bằng tiền, luật chơi được quy định như sau: Sử dụng một bộ bài Tú-lơ-khơ

52 lá bài, mỗi người chơi được chia 09 lá bài, riêng người đầu tiên đánh được chia 10 lá bài. Các lá bài còn lại xếp chồng lên để ở giữa chiếu cho mọi người lần lượt bốc đánh cho người kế bên 01 lá, người kế bên có thể ăn tạo thành “phỏm” hoặc bốc 01 lá bài trên chiếu sau đó đánh ra cho người kế tiếp, cứ như thế cho đến khi hết số lá bài. Ván bài kết thúc khi có người “ù”, nếu không có ai “ù” thì hạ phỏm tính điểm, ai có số điểm ít nhất là người thắng. Nếu số điểm bằng nhau thì người hạ bài trước là người thắng, tính điểm của ván bài bằng cách cộng điểm các lá bài lại với nhau, điểm được tính từ 01 đến 13 tương ứng: Lá bài có chữ “A” là 01 điểm, lá bài từ 02 đến 10 tính theo số trên lá bài, lá bài có chữ J, Q, K lần lượt là 11, 12 và 13 điểm. “Phỏm” là có 03 lá bài trở lên liên tiếp cùng chất hoặc cùng chữ, số với nhau. Bài “ù” là 09 lá bài trên tay người chơi đều tạo thành “phỏm”. Bài “cháy” là bài không có “phỏm”. Bị ăn chót là bị người kế bên ăn lá bài cuối cùng trước khi hạ “phỏm”. Người về nhất ăn cả, người về nhì mất 20.000 đồng, người về thứ ba mất 40.000 đồng, người về thứ tư mất 60.000 đồng, người “móm” hay còn gọi là người “cháy” mất 80.000 đồng. Ngoài ra, các đối tượng cũng thống nhất người nào “ù” thì sẽ được 100.000 đồng từ những người còn lại và phải bỏ ra 20.000 đồng tiền “hồ” đưa cho G. Sau khi thống nhất xong, C liền lấy bộ bài Tú-lơ-khơ ở kệ ti-vi nhà G và chia bài. Đánh được khoảng 30 phút, Trần Thị H thua nên vay của Hoàng Thị H số tiền là 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, H đồng ý và không lấy lãi số tiền trên.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Phùng Hoài P (cấp bậc: 3/ QNCN; chức vụ: NV; đơn vị: Kho K1, Cục KT, QK4) đến nhà Trần Thị G để trả tiền cho Hoàng Thị H và ngồi xem các đối tượng trên đánh bạc. Được khoảng 15 phút thì Trần Thị H nhờ P đánh bài thay mình để đi vệ sinh, P đồng ý và đánh thay cho H. Sau khi đi vệ sinh xong thì H quay trở lại và ngồi trên giường cùng với G xem P tiếp tục đánh bài cho mình. Đến khoảng 15 giờ 50 phút, C lấy số tiền 2.000.000 đồng trả cho Hoàng Thị H (đây là số tiền C vay H cách đây một tháng để chi tiêu cá nhân), H để chung số tiền này cùng với số tiền đang sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc “ù” được 03 ván trích ra số tiền 60.000 đồng tiền “hồ” để ở dưới chiếu bạc nằm giữa vị trí ngồi của H và C. Các đối tượng đánh đến 16 giờ 00 phút thì bị tổ công tác của Công an thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa phát hiện và bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.900.000 đồng, 01 bộ bài Tú-lơ-khơ 52 lá bài và 01 chiếc chiếu cói.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa lập hồi 16 giờ ngày 09/7/2020 có nội dung: Vào chiều ngày 09/7/2020 trên địa bàn thị trấn NC, Công an thị trấn NC nhận được nguồn tin của quần chúng nhân dân báo tại nhà Trần Thị G ở tiểu khu ĐH thị trấn NC có một số đối tượng đang đánh bạc. Công an thị trấn NC tiến hành xác minh nguồn tin trên thì phát hiện tại nhà Trần Thị G đối tượng Phùng Hoài P, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Quang C đang đánh bạc dưới hình thức đánh bài “phỏm”, ngồi ngoài xem có Trần Thị H. Kiểm tra thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.900.000 đồng, 01 bộ bài Tú-lơ-khơ 52 lá bài đã qua sử dụng, 01 chiếc cói màu vàng cát kích thước 1,5 x 02m.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau: Hoàng Thị H có 1.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh bạc C trả cho H 2.000.000 đồng, H để số tiền này dưới chiếu mục đích sử dụng

để đánh bạc; Trần Quang C có 3.240.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, trong quá trình đánh bạc C trả cho H 2.000.000 đồng; Trần Thị H có 700.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, đánh được khoảng 30 phút thì Trần Thị H hết tiền nên vay của Hoàng Thị H 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh; Nguyễn Thị Kim D có 960.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; Phùng Hoài P đánh bạc giúp Trần Thị H bằng số tiền còn lại trên chiếu của H.

Cáo trạng số 05/CT-VKS41 ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 đã truy tố Hoàng Thị H, Trần Quang C, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị H, Trần Thị G và Phùng Hoài P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án và cáo trạng đã truy tố.

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 thực hành quyền công tố sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; khoản 1 Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang C từ 06 tháng đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- + Hoàng Thị H số tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.
- + Trần Thị H số tiền từ 25.000.000 đồng đến 28.000.000 đồng.
- + Trần Thị G số tiền từ 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D số tiền từ 23.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 58; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Hoài P số tiền từ 20.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.900.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc trái pháp luật. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/7/2020, được sự đồng ý của Trần Thị G cho các đối tượng sử dụng nhà của mình ở số nhà 20 tiểu khu ĐH thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa để đánh bạc. Các bị cáo Hoàng Thị H, Trần Quang C, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D và Phùng Hoài P đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức đánh “phỏm”. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an thị trấn NC huyện NC tỉnh Thanh Hóa phát hiện và bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.900.000 đồng, 01 bộ bài Tú-lơ-khơ 52 lá bài và 01 chiếc chiếu cói. Với hành vi phạm tội như trên các bị cáo bị Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đồng thời là nguyên nhân dẫn tới cảnh các gia đình lâm vào vòng túng quẫn, mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác, đánh bạc còn có thể là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm hình sự khác, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, không lâm vào tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ hậu quả tác hại về hành vi của bản thân nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện và cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công và chuẩn bị từ trước, xét vai trò của từng bị cáo thấy rằng: Bị cáo Hoàng Thị H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc nên xếp vai trò thứ nhất; bị cáo Trần Quang C là người lấy bài trộn bài và chia ván bài đầu tiên, bản thân bị cáo đã 01 lần phạm tội, tuy nhiên đã được xóa và coi như chưa vi phạm nên xếp vai trò thứ hai; bị cáo Trần Thị H trong quá trình đánh bạc bị thua đã vay của bị cáo Hoàng Thị H 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, nên xếp vai trò thứ ba; bị cáo Nguyễn Thị Kim D sử dụng số tiền 960.000 đồng để đánh bạc nên xếp

vai trò thứ tư; bị cáo Phùng Hoài P và bị cáo Trần Thị G xếp vai trò thứ yếu và cuối cùng trong vụ án, trong đó bị cáo Phùng Hoài P đánh bạc thay bị cáo Trần Thị H và sử dụng số tiền còn lại trên chiếu của H để đánh bạc, bị cáo Trần Thị G đồng ý cho các bị cáo sử dụng nhà của mình để đánh bạc mục đích thu lợi bất chính nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” nên bị cáo G đồng phạm với các bị cáo khác với vai trò là người giúp sức. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với tất cả các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Hoàng Thị H, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị G, Phùng Hoài P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D có chồng được nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ về vang hẠng Nhì nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P trong quá trình công tác tại đơn vị được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ về vang hẠng Nhứt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra hoàn cảnh gia đình bị cáo P có con bị khuyết tật đặc biệt nặng bẩm sinh. Về nhân thân: bị cáo C ngày 15/9/2003 bị Công an huyện NC tỉnh Thanh Hóa phạt cảnh cáo về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, ngày 14/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện NC tỉnh Thanh Hóa xử phạt 7.500.000 đồng về tội “Đánh bạc”, các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[5] Về hình phạt: Từ các nhận định trên, sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Đối với bị cáo C là người có nhân thân ngày 15/9/2003 bị Công an huyện NC tỉnh Thanh Hóa phạt cảnh cáo về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản”, ngày 14/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện NC tỉnh Thanh Hóa xử phạt 7.500.000 đồng về tội “Đánh bạc”, mặc dù các vi phạm trên đã được xóa và coi như chưa vi phạm nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, Hội đồng xét xử thấy, cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình xã hội và để răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Xem xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Hoàng Thị H, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị G và Phùng Hoài P, đều có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đảm bảo được mục đích của hình phạt và áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự

đối với các bị cáo là phù hợp, đủ nghiêm, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 5.900.000 đồng, Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 bộ bài Tú-lơ-khơ 52 lá bài là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc cói là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 và Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4 ngày 19/11/2020).

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, các bị cáo: Hoàng Thị H, Trần Quang C, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị G, Phùng Hoài P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị H, Trần Quang C, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị G và Phùng Hoài P phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/7/2020 đến ngày 12/7/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Hoàng Thị H số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng);

+ Bị cáo Trần Thị H số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

+ Bị cáo Trần Thị G số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim D số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 khoản 3 Điều 17; Điều 58; các điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Hoài P số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

2. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.900.000 đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng);

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú-lơ-khơ 52 lá bài;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cỏi.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Viện kiểm sát quân sự Khu vực 41 và Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 4 ngày 19/11/2020).

3. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Hoàng Thị H, Trần Quang C, Trần Thị H, Nguyễn Thị Kim D, Trần Thị G và Phùng Hoài P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/12/2020) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Văn Phòng TAQSTW (Qly.LLTP);
- VKSQSQK4;
- VKSQSKV41;
- CQĐTHSKV1QK4;
- CQTHAHSQK4;
- Phòng THAQK4;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

4/ Hồ Nguyễn Quân